

# KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG LẠC MỚI HL22 TỪ NGUỒN NHẬP NỘI

Đổng Thị Kim Cúc<sup>1</sup>, Nguyễn Văn Quang<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

Từ nguồn gen nhập nội DA15, Trung tâm Thực nghiệm sinh học Nông nghiệp Công nghệ cao – Viện Di truyền Nông nghiệp đã tuyển chọn được giống lạc HL22. Kết quả khảo nghiệm DUS tại Trung tâm Khảo nghiệm Giống, Sản phẩm cây trồng Quốc gia giống HL22 có tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định. Trong vụ xuân giống có thời gian sinh trưởng 120 - 125 ngày. Dạng cây bán đứng, số cành cấp 1, khối lượng 100 hạt lớn. Trong khảo nghiệm sản xuất, năng suất vụ xuân dao động 3,55 – 3,80 tấn/ha; vụ thu đồng dao động từ 3,16 – 3,57 tấn/ha. Tỷ lệ hạt/quả đạt trên 72%. Có khả năng chịu hạn tốt, năng suất cao, nhiễm nhẹ với sâu bệnh hại và đã được đánh giá, khảo nghiệm tại Bắc Giang và một số tỉnh phía Bắc.

**Từ khóa:** Giống lạc HL22, lạc chịu hạn.

## 1. BẬT VẠN ĐỀ

Cây lạc (*Arachis hypogaea* L.) là cây công nghiệp ngắn ngày, cây thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, cung cấp thực phẩm và dầu ăn cho con người. Bên cạnh đó, lạc không chỉ là nguyên liệu để chế biến thức ăn trong chăn nuôi, mà còn là cây cải tạo đất dốc vùng nhiệt đới. Do lạc có giá trị kinh tế cao nên được nhiều quốc gia quan tâm. Ở Việt Nam, cây lạc đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu cây nông nghiệp, đặc biệt ở những nơi khí hậu thường xuyên biến động và điều kiện canh tác còn gặp nhiều khó khăn. Trong những năm gần đây, việc tổng kết kinh nghiệm thực tiễn và ứng dụng khoa học tiên tiến vào sản xuất đã góp phần tăng năng suất lạc một cách đáng kể. Năm 2017, năng suất lạc bình quân đạt 23,54 tạ/ha so với 2010 năng suất mới chỉ là 21,05 tạ/ha (Faostat, 2017).

Tại Việt Nam cây lạc có tiềm năng phát triển theo hướng hàng hóa là rất lớn. Vì vậy cần có các nghiên cứu tuyển chọn giống lạc mới cho những vùng có diện tích trồng lạc lớn để có thể mở rộng sản xuất theo hướng phát triển hàng hóa. Tại Nghệ An, Bắc Giang lạc trồng được trong cả vụ xuân hè, hè thu và thu đông. Theo Công thông tin điện tử Bắc Giang dự kiến diện tích gieo trồng cây lạc của tỉnh năm 2019 là 1.250 ha sản lượng 3.100 tấn. Bắc Giang là một trong những vùng có diện tích trồng lạc lớn nhất cả nước. Tuy nhiên, do sự biến đổi khí hậu, trái đất nóng lên, nhiều nơi sẽ bị khô hạn, nước tưới sẽ bị khó khăn. Do vậy cần tuyển chọn những giống lạc có

khả năng thích ứng được trên các vùng đất khô hạn, không chủ động về nước tưới để có thể mang lại thu nhập cho người nông dân. Giống lạc HL22 đã được nhập nội từ nguồn DA15 với khả năng chịu hạn tốt, năng suất cao, nhiễm nhẹ với sâu bệnh hại đã được đưa vào hệ thống khảo nghiệm Quốc gia nhằm đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển ở các tiểu vùng sinh thái và tiến tới mở rộng vào sản xuất.

## 2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP KHẢO NGHIỆM

### 2.1. Vật liệu

- Giống lạc HL22 là giống lạc có nguồn gốc nhập nội.

- Giống đối chứng: lạc L14.

### 2.2. Phương pháp khảo nghiệm

#### 2.2.1. Khảo nghiệm tác giả

- Thí nghiệm được bố trí theo khối hoàn toàn ngẫu nhiên, 3 lần nhắc lại, diện tích mỗi ô thí nghiệm là 10 m<sup>2</sup>.

- Quy trình canh tác trong các khảo nghiệm theo quy chuẩn tác giả được cải biến từ quy trình theo chuẩn 10TCN 340:2006 để phù hợp với tiềm năng của giống.

- Quan sát và đánh giá dựa theo Quy phạm khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống 10TCN 340:2006 (Ban hành kèm theo Quyết định số 1698/QĐ/BNN-KHCN, ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT).

- Phân bón theo 10TCN 340:2006: 5 tấn phân hữu cơ + 30 kg N + 100 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> + 80 kg K<sub>2</sub>O + 500 kg vôi bột.

<sup>1</sup> Viện Di truyền Nông nghiệp

- Đối chứng: Giống lạc L14.

### 2.2.2. Khảo nghiệm DUS

Thí nghiệm được thực hiện theo quy phạm khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống lạc QCVN0157-2011/BNNPTNT do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành.

### 2.2.3. Khảo nghiệm sản xuất

Thí nghiệm được bố trí diện tích ít nhất 1000 m<sup>2</sup>/điểm, áp dụng quy trình ưu tiên nhất và thời vụ thích hợp của từng địa phương nơi làm thí nghiệm, đánh giá sinh trưởng phát triển, mức độ nhiễm sâu bệnh hại và khả năng thích ứng của giống tại địa phương. Đối chứng so với giống đang được trồng phổ biến tại địa phương là L14 và L23.

### 2.3. Các chỉ tiêu theo dõi

- Đặc điểm hình thái của các giống lạc khảo nghiệm.

- Sinh trưởng phát triển của các giống lạc khảo nghiệm.

- Mức độ nhiễm sâu bệnh của các giống lạc khảo nghiệm.

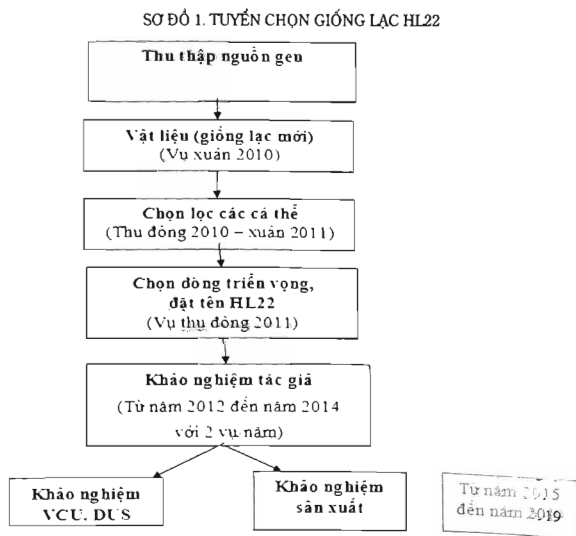
- Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống lạc khảo nghiệm.

### 2.4. Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu được xử lý thống kê theo chương trình Excel và IRRISTAT.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Quá trình chọn lọc giống lạc HL22



#### 3.2. Khảo nghiệm tác giả

Giống lạc HL22 được Trung tâm Thực nghiệm Sinh học Nông nghiệp Công nghệ cao tuyển chọn từ giống lạc nhập nội tại An Khánh - Hoài Đức - Hà Nội từ năm 2010 - 2014.

Từ nguồn vật liệu ban đầu, bằng phương pháp chọn cá thể, đến vụ thu đông 2011 đã chọn được dòng triển vọng và đặt tên là HL22 (sơ bộ 1).

Từ năm 2012 - 2014 giống lạc HL22 được đưa vào khảo nghiệm tác giả. Kết quả khảo nghiệm được thể hiện tại bảng 1.

Bảng 1. Một số đặc điểm nông sinh học của giống lạc HL22 (vụ xuân)

STT	Giống lạc			
	Đặc điểm	HL22	L14 (d/c)	L23 (Đ/C)
1	Dạng cây	Bán đứng	Đứng	Đứng
2	Thời gian sinh trưởng (ngày)	120 ± 5	118 ± 3	118 ± 3
3	Chiều cao cây (cm)	44,8 ± 3,3	39,3 ± 2,2	41,7 ± 3,6
4	Số cành cấp 1	5,5 ± 3,0	4,5 ± 3,1	4,8 ± 1,2
5	Lá chét: Chiều dài (cm)	5,2 ± 0,5	5,5 ± 0,5	5,3 ± 0,4
6	Lá chét: Chiều rộng (cm)	2,5 ± 0,2	2,6 ± 0,2	2,5 ± 0,2
7	Lá chét: Màu sắc	Xanh vừa	Xanh vừa	Xanh đậm
8	Hoa: Quy luật phân bố hoa	Liên tục	Liên tục	Liên tục
9	Hoa: Chùm tia quả	Phức tạp	Phức tạp	Phức tạp
10	Quả: Eo quả	Trung bình	Nông	Sâu
11	Quả: Độ nhẵn bề mặt vỏ	Trung bình	Trung bình	Thô
12	Quả: Mô quả	Rõ	Rõ	Rõ
13	Quả: Dạng mô quả	Cong	Cong	Cong
14	Quả 1 hạt (%)	14,1 ± 5,6	12,3 ± 6,3	15,2 ± 5,2
15	Quả 2 hạt (%)	85,9 ± 5,6	87,7 ± 6,3	84,8 ± 5,2
16	Quả 3 hạt (%)	0	0,6	0
17	Số quả chắc/cây	12,8 ± 2,1	10,5 ± 3,2	10,3 ± 3,4
18	Hạt: Màu vỏ hạt chín (hạt tươi)	Hồng	Hồng	Hồng
19	Hạt: Dạng hạt	Dài	Dài	Bầu dục
20	Hạt: Khối lượng 100 hạt (gam)	85,3 ± 5,9	64,8 ± 5,5	65,7 ± 3,5
21	Hạt: Thời gian ngủ nghỉ (khi hạt chín, còn tươi)	Không	Không	Không
22	Tỷ lệ hạt/quả (%)	72,3	71,5	70,4
23	Mức độ nhiễm bệnh gỉ sắt (điểm)	1-3	1-3	3-5
24	Mức độ nhiễm bệnh đốm nâu (điểm)	1-3	1-3	1-3
25	Mức độ nhiễm đốm đen (điểm)	1-3	1-3	1-3
26	Mức độ nhiễm bệnh héo xanh (%)	0,7	1,1	1,0
27	Mức độ nhiễm bệnh thối đen cổ rễ (%)	1,8	2,5	2,5
28	Mức độ nhiễm bệnh thối trắng thân (điểm)	1	1	1
29	Mức độ nhiễm bệnh thối quả (điểm)	1	1	1
30	Chịu hạn (điểm)	0-1	1-2	1-2
31	Năng suất tiềm năng (tấn/ha)	3,61	2,94	3,23

Ghi chú: Đánh giá mức độ nhiễm sâu bệnh trên đồng ruộng cơ sử dụng thuốc BVTV. Bệnh gỉ sắt, bệnh đốm nâu, bệnh đốm đen theo thang điểm 1-9 (Điểm 1: Không bị bệnh; Điểm 3: 1-5% diện tích lá bị bệnh... Điểm 9: >50% diện tích lá bị bệnh). Đánh giá tình chịu hạn của lạc ngoài đồng ruộng dựa vào chỉ số nhạy cảm với hạn của lạc (S) và khả năng chịu hạn dựa vào mức suy giảm năng suất hạt (G).

Số liệu ở bảng 1 cho thấy: nguồn vật liệu ban đầu có đặc điểm hình thái là giống nửa đứng, sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện thời tiết khi hậu ở miền Bắc nước ta, có chiều cao cây trung bình, số tia củ nhiều, tỷ lệ đậu quả cao và có tiềm năng năng suất cao.

Giống HL22 hầu như giữ nguyên được các đặc điểm nổi trội của giống gốc và có thời gian sinh

trưởng đã được rút ngắn đáng kể: Thời gian sinh trưởng từ 120 – 125 ngày trong vụ xuân, dài hơn so với giống đối chứng L14, L23 là 3-5 ngày. Số lượng quả hai hạt tăng lên, số quả một hạt giảm xuống; nhiễm nhẹ với bệnh gỉ sắt tương đương với giống đối chứng L14 (điểm 1-3) và nhiễm nhẹ hơn giống lạc L23. Khả năng kháng được bệnh đốm nâu, đốm đen (điểm 1-3), trong khi do 2 giống đối chứng bị nhiễm

điểm 3-5; không bị bệnh thời quả và bệnh thối trắng thân (điểm 1); tỷ lệ héo xanh và thối đen thấp hơn so với L14 và giống L23, đặc biệt có khả năng chịu hạn cao (điểm 0 - 1)... Như vậy, khả năng chống chịu với một số bệnh hại chính và điều kiện bất thuận (chịu hạn) của giống lạc HL22 cao hơn với 2 giống đối chứng L14 và L23.

Giống lạc HL22 có một số yếu tố cấu thành năng suất nổi trội hơn so với giống đối chứng: số lượng cành cấp 1 là 5,5 cao hơn hai giống đối chứng L14 (4,5 cành) và L23 (4,8 cành) nên khả năng tiếp nhận ánh sáng tốt hơn, quang hợp và tích lũy chất khô tốt hơn - một trong các chỉ tiêu về tiềm năng cho năng suất cao hơn. Điều này được thể hiện ở khối lượng 100 hạt giống HL22 đều cao hơn so với L23 và giống L14. Cụ thể giống HL22 có khối lượng 100 hạt đạt 85,3 g.

Giống lạc HL22 có năng suất tiềm năng cao (3,61 tấn/ha) trong vụ xuân. Với mật độ trồng trung

binh từ 30 cây/m<sup>2</sup> (hàng cách hàng 30 cm, hàng ngoài cách mép ruộng 10-15 cm, gieo 1 hạt/bốc, bóc cách hốc 10 cm). Kết quả thu được dưới đây là số liệu trung bình của các năm 2012 đến 2014 trong 2 vụ/năm:



Hình 1. Giống lạc HL22

**Bảng 2. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của giống HL22**

Tên giống	Số quả/cây		Số quả chắc/cây		KL100 quả (g)		Năng suất (tấn/ha)	
	Vụ xuân	Vụ thu đông	Vụ xuân	Vụ thu đông	Vụ xuân	Vụ thu đông	Vụ xuân	Vụ thu đông
HL22	17,2	13,5	12,8	11,6	214,3	194,2	3,61	3,28
L14 (đ/c)	14,3	11,4	10,5	9,3	163,7	157,6	2,94	2,72
L23 (đ/c)	15,7	13,2	11,3	10,7	196,2	177,8	3,23	3,04

Trong điều kiện vụ xuân:

+ Số quả/cây: giống HL22 có số quả đạt 17,2 quả/cây cao hơn giống đối chứng L14 và L23 lần lượt là 2,9 quả và 1,5 quả.

+ Số quả chắc/cây: của các giống trồng thử nghiệm dao động từ 10,5 - 12,8 quả. Trong đó giống HL22 có số quả chắc/cây cao nhất 12,8 quả xếp tiếp là giống L23 đạt 11,3 quả và L14 đạt 10,5 quả.

+ Khối lượng 100 quả: Qua theo dõi giống lạc HL22 có khối lượng 100 quả lớn 214,3 g cao hơn so với giống đối chứng L14 và L23 là 50,6 g và 18,1 g.

+ Năng suất: các giống lạc có năng suất dao động từ 2,94 - 3,61 tấn/ha. Trong đó giống lạc HL22 có năng suất cao nhất 3,61 tấn/ha cao hơn giống đối chứng L14 là 22,7% và cao hơn giống L23 là 11,7%.

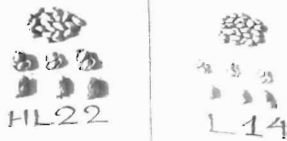
Trong điều kiện vụ thu đông:

+ Số quả/cây của các giống dao động từ 11,4 - 13,5 quả. Trong đó giống HL22 (13,5 quả) số quả trên cây cao nhất tiếp theo là giống L23 (13,2) và số quả/cây thấp nhất là giống L14 (11,4 quả).

+ Số quả chắc/cây của các giống trồng khảo nghiệm tác giả giống HL22 cho chỉ số cao nhất. Giống HL22 đạt 11,6 quả chắc/cây tiếp theo là 2 giống đối chứng L23 (10,7 quả) và L14 (9,3 quả).

+ Khối lượng 100 quả của các giống tương tự như trong vụ xuân giống HL22 đạt cao nhất 194,2 g tiếp là giống L23 đạt 177,8 g; thấp nhất là giống L14 khối lượng 100 quả đạt 157,6 g.

+ Năng suất của các giống trong vụ thu đông dao động từ 2,72 - 3,28 tấn/ha. Trong đó giống HL22 năng suất đạt 3,28 tấn/ha cao hơn giống L14 là 20,6% và cao hơn giống HL22 là 7,9%.



Hình 2. Quả, vỏ quả và hạt của giống lạc HL22 và giống lạc L14

**3.3. Khảo nghiệm DUS**

Giống lạc HL22 được Trung tâm Khảo nghiệm Giống. Sản phẩm cây trồng Quốc gia tiến hành khảo nghiệm DUS trong vụ xuân 2015, xuân 2016, kết quả đánh giá như sau:

*- Tính khác biệt*

Giống HL22 khác biệt rõ ràng với giống L14. thể hiện trong bảng 3.

**Bảng 3. Giống HL22 so với giống tương tự L14**

Tình trạng		Năm	Giống đăng ký	Giống tương tự	Khoảng cách tối thiểu/LSD <sub>0,05</sub>
18 <sup>(1)</sup>	Hạt: Khối lượng 100 hạt (g), (ở độ ẩm 9,0%)	2015	97,42	66,08	3,79
20	Hạt: Tỷ lệ nhân /quả (%)	2015	76,84	73,72	1,86

So với giống tương tự L14, giống lạc HL22 có 2 tình trạng khác biệt rõ ràng, đó là: tình trạng 18: Hạt: Khối lượng 100 hạt ở độ ẩm 9%; tình trạng 20: Tỷ lệ nhân/quả.

*- Tính đồng nhất*

Số cây khác dạng trên tổng số cây quan sát là: 0/200 (2015), 0/200 (2016) không vượt quá số cây khác dạng tối đa cho phép (3/200 cây) nên giống đăng ký có tính đồng nhất.

*- Tính ổn định*

Qua hai vụ khảo nghiệm, giống đăng ký có tính đồng nhất nên được xem là có tính ổn định.

**3.4. Kết quả khảo nghiệm sản xuất giống lạc HL22**

Kết hợp với hệ thống khảo nghiệm Quốc gia, đã tiến hành khảo nghiệm sản xuất tại 6 tỉnh/thành: Bắc Giang, Nghệ An, Hòa Bình, Thái Bình, Thanh

Hóa, Sơn Tây – Hà Nội trong các năm 2015, năm 2016, năm 2017 và 2018.

Trong khảo nghiệm sản xuất giống có các đặc điểm nông học tương tự như trong khảo nghiệm cơ bản.

Do giống lạc HL22 là có sức chứa lớn nên đã điều chỉnh quy trình thâm canh của giống, tăng lượng phân bón hơn trong canh tác: 8 tấn phân chuồng + 45 kg N + 130 kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub> + 90 kg K<sub>2</sub>O + 500 kg vôi bột. Đồng thời do thời gian sinh trưởng của giống lạc HL22 dài hơn so với giống L14 từ 5 - 7 ngày nên thời gian thu hoạch phải kéo dài hơn so với các giống đối chứng.

Giống lạc HL22 được khảo nghiệm sản xuất trong 4 năm (2015, 2016, 2017 và 2018) với tổng diện tích là 25,4 ha: Kết quả đánh giá năng suất HL22 trong khảo nghiệm sản xuất thể hiện ở bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả khảo nghiệm sản xuất của giống lạc HL22**

TT	Điểm khảo nghiệm	Năng suất trung bình (tấn/ha)		% tăng so với đối chứng (L14)	Diện tích (ha)		Tổng diện tích (ha)
		Xuân	Thu đông		Xuân	Thu đông	
<i>Vùng trung du miền núi phía Bắc</i>							
1	Bắc Giang	3,61	3,57	18,2 -20,1	3,5	1,0	4,5
2	Hòa Bình	3,55	-	13,8	3,2	-	3,2
3	Sơn Tây (Hà Nội)	3,70	3,30	13,8 -15,6	2,5	1,0	3,5
<i>Vùng đồng bằng sông Hồng</i>							
4	Thái Bình	3,57	-	8,8	0,7	-	0,7
<i>Vùng Bắc Trung bộ</i>							
5	Thanh Hóa	3,69	3,16	29,4	1,0	0,5	1,5
6	Nghệ An	3,80	3,50	11,8 -20,7	10,0	2,0	12,0
<b>Tổng diện tích</b>							<b>25,4</b>

Vấn việc tăng hàm lượng phân bón và thu hoạch sau so với giống đời chứng từ 5-7 ngày năng suất của giống lạc HL22 tại 2 vụ xuân và vụ thu đông từ năm 2015 đến 2018 đã được cải thiện đáng kể. Số liệu trung bình của các năm tại các vùng cho thấy:

Vụ xuân, năng suất giống lạc HL22 đạt từ 3,55 – 3,80 tấn/ha. Ở vùng trung du miền núi phía Bắc năng suất lạc HL22 tại Sơn Tây đạt cao nhất 3,70 tấn/ha; vùng đồng bằng sông Hồng năng suất tại điểm khảo nghiệm Thái Bình đạt 3,57 tấn/ha. Vùng Bắc Trung bộ điểm khảo nghiệm Nghệ An đạt năng suất cao nhất 3,80 tấn/ha.

Vụ thu đông trong các năm khảo nghiệm kết quả thu được năng suất giống lạc HL22 dao động từ 3,16 – 3,57 tấn/ha. Trong đó vụ thu đông tại Bắc Giang năng suất đạt cao nhất 3,57 tấn/ha.

#### 4. KẾT LUẬN ĐỀ NGHỊ

##### 4.1. Kết luận

- Giống HL22 được tuyển chọn từ giống nhập nội, là giống lạc triển vọng có nhiều đặc điểm nông sinh học tốt.

- Kết quả chọn lọc và khảo nghiệm tác giả từ năm 2010 đến năm 2014 cho thấy: Thời gian sinh trưởng ngắn: 120 - 125 ngày trong vụ xuân và 120 ngày trong vụ thu đông, thích hợp với cơ cấu mùa vụ các tỉnh phía Bắc; tỷ lệ hạt/quả cao (76,7%) và khối lượng 100 hạt cao (81,3 g).

- Kết quả khảo nghiệm DUS cho thấy giống lạc HL22 có tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định.

- Năng suất trong khảo nghiệm cơ bản trong vụ xuân đạt trung bình tại các điểm từ 2,76 – 3,55 tấn/ha, vụ đông đạt 2,56 tấn/ha cao hơn giống đời chứng L14 là từ 7,8%. Giống lạc HL22 chống chịu tốt đối với các loại sâu bệnh hại chính như: Héo xanh, thối đen có rễ, thối trắng thân, thối quả (điểm 1), nhiễm nhẹ gỉ sắt, đốm nâu (điểm 1 – 3) tương đương so với đời chứng L14. Đặc biệt, giống lạc HL22 có khả năng chịu hạn tốt (điểm 1).

- Kết quả khảo nghiệm sản xuất tại 6 địa phương trên diện tích 25,4 ha qua 3 vụ xuân hè, thu đông 2018 và xuân hè 2019 cho thấy giống lạc HL22 sinh trưởng, phát triển tốt, có năng suất đạt 3,55 – 3,80 tấn/ha trong vụ xuân và 3,16 – 3,57 tấn/ha trong vụ thu đông, vượt giống đời chứng L14 từ 11,8 –

20,7%, chịu hạn tốt được các địa phương ưu tiên áp dụng giống vào trong sản xuất.

##### 4.2. Đề nghị

- Triển hành nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật nhằm tăng năng suất và hiệu quả kinh tế trong việc sản xuất giống lạc HL22.

- Sớm công nhận giống chính thức để có thể bổ sung vào cơ cấu giống lạc của các tỉnh phía Bắc.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trần Đình Long và Nguyễn Thu Chinh (2005). Kết quả chọn tạo và phát triển giống đậu đỗ 1985-2005 và định hướng phát triển 2006-2010. *Báo cáo tổng kết 20 năm đổi mới và định hướng nghiên cứu giai đoạn 2006-2010*. Hội nghị Khoa học chuyên ngành Trồng trọt, ngày 10-11 tháng 3 năm 2003. Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển đậu đỗ, trang 19.
- Trần Đình Long (2005). Báo cáo tổng kết khoa học và kỹ thuật dự án "Hoàn thiện quy trình sản xuất một số giống lạc mới L02, L05, L14, MD7, MD9 phục vụ sản xuất hạt xuất khẩu và tiêu dùng trong nước". Bộ Khoa học và Công nghệ. Viện KHKTNNVN, Trung tâm NCTNĐĐ, tr. 49.
- Nguyễn Văn Việt (2003). Kết quả chọn tạo giống lạc MD07, MD09. Bộ Khoa học và Công nghệ. Viện KHKTNNVN.
- Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Chinh, Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Thị Thủy Lương, Nguyễn Xuân Đoan (2010). Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống lạc L26 phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển đậu đỗ, Hà Nội.
- Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Thị Chinh, Trần Đình Long, Nguyễn Xuân Thu, Phan Quốc Gia, Nguyễn Thị Thủy Lương, Nguyễn Xuân Đoan (2010). Kết quả nghiên cứu và sản xuất thử giống lạc L23. Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển đậu đỗ, Hà Nội.
- Ninh Thị Phấp, Trần Thu Thuần Phương (2012). Nghiên cứu ảnh hưởng mật độ hóc và phương thức gieo hạt đến sinh trưởng, phát triển và năng suất của giống lạc L23 trong điều kiện vụ xuân tại Ý Yên - Nam Định. *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, tập 10, số 1: 50-57
- Nguyễn Thị Lý (2011). Nghiên cứu phát triển nguồn gen lạc chịu hạn cho vùng trung du và miền núi phía Bắc. Trung tâm Tài nguyên Thực vật, tr. 1-8.

8. Nguyễn Thị Chính và cs. (1991). Kết quả thử nghiệm cơ bộ giống lạc của Viện Nghiên cứu Quốc tế các cây trồng vùng nhiệt đới bán khô hạn tại Việt Nam. Tiến bộ kỹ thuật về trồng lạc và đậu đỗ ở Việt Nam. NXB Nông nghiệp Hà Nội, tr. 61.

9. Ahmed M. S. H. & S. M. S. Mohamed (2009). Improvement of groundnut (*Arachis hypogaea* L.)

productivity under saline condition through mutation induction. *World Journal of Agricultural Sciences* 6.

11. Cesar L. Revoredo and Stanley M. Fletcher (2002). World Peanut Market: An Overview of the Past 30 Years. Research Bulletin. number 437.

12. <http://123doc.org/document/72047-chuyen-de-cay-lac.htm>.

## RESULT OF SELECTING NEW PEANUT HL22 FROM IMPORTED SOURCE

Dong Thi Kim Cuc<sup>1</sup>, Nguyen Van Quang<sup>1</sup>

<sup>1</sup> *Agricultural Genetics Institute*

### Summary

From imported genetic resources "Experimental Center For Innovative Technologies In Agriculture - Agricultural Genetics Institute" chose to create HL22 peanut variety. DUS test results at "Center for testing of variety, the national plant", HL22 peanut variety have distinctness, uniformity, and stability. In the Spring season, the growth time is 120-125 days. The peanut trees are semi-standing type, number of level 1 branch, volume of 100 large seeds. In production assay, Spring season, the yield of tree ranges from 3.55 to 3.80 tons/ha; Autumn -Winter season, the yield of tree ranges from 3.61 to 3.57 tons/ha. The ratio of seeds/fruits reached over 72%. The variety had good drought resistant, high yield, mild infection with pests and disease; well-resistant to unfavorable external conditions. The peanut varieties were evaluated and tested in Bac Giang province and some northern provinces.

**Keywords:** *Peanut varieties HL22, drought resistant.*

Người phản biện: GS.VS.TSKH. Trần Đình Long

Ngày nhận bài: 24/9/2019

Ngày thông qua phản biện: 24/10/2019

Ngày duyệt đăng: 31/10/2019